TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tú và bà Trần Thị Ngọc Loan
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Phan Anh Giáp- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Giáp Tr, xã HT, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Anh T**,** sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 9 Trường Thi, TDP 5, phường HC, thị xã H , tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với Anh Hà Anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2000 tại UBND phường HC, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, anh T thường xuyên chửi bới và xúc phạm đến gia đình chị, chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị không chịu đựng được nữa nên bỏ về nhà mẹ ruột để sống hơn 04 tháng nay và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Phía anh T cho rằng, trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm sống, chị L nghe lời bạn, ham chơi nên anh có to tiếng với chị. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn

còn, mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Hà Tuấn K, sinh ngày 27/6/2001 và Hà Thị Huyền Tr, sinh ngày 02/02/2006. Chị L, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con. Nguyện vọng của cháu Tr là muốn ở với chị L.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng khai là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T.
- Giao cháu Hà Thị Huyền Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng cho con. Cháu Hà Tuấn K đã thành niên nên không phải giải quyết
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với Anh Hà Anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2000 tại UBND phường HC, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên là hôn nhân hợp pháp.

[2] Vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Phía chị L thì cho rằng anh T không tôn trọng chị, thường xuyên hay chửi bới, xúc phạm đến chị và cả gia đình chị. Phía anh T lại cho rằng chị L ham chơi, nghe theo bạn bè và không tôn trọng anh. Vợ chồng cũng mâu thuẫn nhau trong cách chi tiêu trong sinh hoạt gia đình. Những mâu thuẫn trên nhiều năm không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng dẫn tới việc vợ chồng ly thân, chị L về lại nhà mẹ đẻ của mình để sống đã hơn 4 tháng nay, anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình. Tại phiên tòa chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của chị L, anh T đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, không thể cùng nhau chung sống được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Hà Tuấn K, sinh ngày 27/6/2001 và Hà Thị Huyền Tr, sinh ngày 02/02/2006. Cháu K đã thành niên nên Tòa án không phải giải quyết. Cháu Tr mặc dù đang ở với anh T nhưng chị L là người chu cấp ăn uống, học hành cho cháu. Xét thấy việc giao cháu Tr cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với Anh Hà Anh T.

2. Về con chung: Buộc Anh Hà Anh T giao cháu Hà Thị Huyền Tr, sinh ngày 02/02/2006 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Anh Hà Anh T không phải cấp dưỡng cho cháu Tr. Cháu Hà Tuấn K, sinh ngày 27/6/2001 đã thành niên nên Tòa án không phải giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 7201 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Chị L đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh TT Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND phường Hương Chữ;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hữu Nam